

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05/01/2023

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định

Bà Ngô Thị Thơm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:* Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 304/2022/HNGĐ-TLST ngày 24/10/2022, về việc “ *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn* ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 347/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 236/2022/QĐ-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Mạc Thị H**, sinh năm 1986.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: KDC Đồng T, phường Cổ T, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Đài Loan.

Người được chị H ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Ông **Nguyễn Mạnh C**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 1A phố Bình M, KDC Nguyễn Trãi 1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn : Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1981.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: KDC Hòa B, phường cổ T, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Mạc Văn M**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: KDC Đồng T, phường Cổ T, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

(Chị H, anh T, ông Minh có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, giấy ủy quyền - Nguyên đơn chị **Mạc Thị H** trình bày: Chị và anh **Trần Văn T** tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Cổ T** (nay là phường **Cổ T**), thành phố **L**, tỉnh **Hải Dương** ngày 25/3/2005. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2011 do kinh tế khó khăn, cả hai vợ chồng đều đi **Đài Loan** lao động. Đến năm 2014 anh, chị về nước, tuy nhiên do bất đồng trong việc quản lý kinh tế dẫn đến phát sinh mâu thuẫn nên tháng 10/2014 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ là ông **Mạc Văn M** và bà **Nguyễn Thị Nh**. Năm 2015 chị và anh **T** tiếp tục sang **Đài Loan** lao động, nhưng cả hai không ở cùng nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **T**.

Về con chung : Vợ chồng có một con chung là **Trần Khánh D**, sinh ngày 05/3/2006. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con, trong thời gian chị không ở **Việt Nam**, chị ủy quyền cho ông **Mạc Văn M** và bà **Nguyễn Thị Nh** chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **D**. Chị **H** tự nguyện không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị **H** tự nguyện chịu cả án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh **Trần Văn T** hiện nay đang lao động tại **Đài Loan**, do chị **H** không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh **T** nên Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh **T** tại gia đình. Bà **Trần Thị B** là mẹ đẻ anh **T** cung cấp, anh **T** đi **Đài Loan** lao động vào khoảng năm 2014, sau đó đã về **Việt Nam**, đến năm 2016 lại tiếp tục sang **Đài Loan** lao động lần 2, từ đó đến nay anh chưa về nước. Tuy nhiên anh **T** thường xuyên gọi điện liên lạc với gia đình. Bà **B** đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh **T** biết. Sau khi được thông báo, qua gia đình anh **T** có quan điểm: Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị **H** có đơn xin ly hôn anh cũng nhất trí. Về con chung anh **T** xác định

vợ chồng có 1 con chung là Trần Khánh D, hiện nay con chung đã lớn, anh tôn trọng ý kiến của con. Về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời anh đề nghị được giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Mạc Văn M có quan điểm: Ông là bố đẻ của chị H, còn anh T là con rể ông. Hiện tại vợ chồng ông đang nuôi cháu Trần Khánh D là con của chị H, anh T. Ông đồng ý nhận ủy quyền của chị H, trong thời gian chị H không ở Việt Nam, vợ chồng ông đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, đồng thời ông đề nghị được giải quyết vắng mặt.

- Ông Nguyễn Mạnh C, người được chị H ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng có quan điểm: Ông đồng ý nhận ủy quyền của chị H, sau khi nhận văn bản tố tụng ông đã thông tin cho chị H biết, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Cháu Trần Khánh D là con chung của anh T, chị H có nguyện vọng được ở với mẹ và ông bà ngoại khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị H, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H được ly hôn anh T. Về con chung: Giao cháu Trần Khánh D, sinh ngày 05/03/2006 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu D cho ông Mạc Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Mạc Thị H có hộ khẩu thường trú tại: KDC Đồng T, phường Cổ T, thành phố L, tỉnh Hải Dương. Anh Trần Văn T có hộ khẩu thường trú tại: Khu dân cư Hòa B, phường Cổ T, thành phố L, tỉnh Hải Dương. Chị H, anh T đều lao động, sinh sống tại Đài Loan. Do vậy, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Tháng 9/2022 chị H về Việt Nam để làm thủ tục ly hôn với anh T, đồng thời ủy quyền cho ông Nguyễn Mạnh C giao, nhận các văn bản tại Tòa án. Xét thấy đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt và giấy ủy quyền của chị H nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã được chứng thực của Ủy ban nhân dân phường P. Do vậy, có đủ cơ sở xác định nội dung các văn bản chị H nộp tại Tòa án là ý chí, nguyện vọng của chị.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân tối cao, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh T cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình được biết, anh T thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Trần Thị B. Bà B đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Chị H, ông M có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Thông qua gia đình anh T cũng có quan điểm xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Mạc Thị H và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cổ T (nay là phường Cổ T), thành phố L, tỉnh Hải Dương ngày 25/3/2005, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng trong việc quản lý kinh tế, không tìm thấy tiếng nói chung. Mặc dù hiện tại cả hai đều đang lao động tại Đài Loan, nhưng mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định T cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn anh T. Thông qua gia đình anh T cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

- *Về con chung*: Chị Mạc Thị H và anh Trần Văn T có một con chung là Trần Khánh D, sinh ngày 05/3/2006. Ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi con, cháu D có nguyện vọng được ở với mẹ và ông bà ngoại. Anh T có quan điểm tôn trọng ý kiến của con. Xét thấy, anh T và chị H đều ở nước ngoài, không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Hiện tại cháu D đang được ông bà

ngoại chăm sóc, nuôi dưỡng, được học tập và phát triển tốt. Do vậy để ổn định cuộc sống cho cháu, cần giao cháu Duy cho chị H nuôi dưỡng, trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu D cho ông M chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Mạc Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mạc Thị H được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Khánh D, sinh ngày 05/3/2006 cho chị Mạc Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian chị H không ở Việt Nam, tạm giao cháu D cho ông Mạc Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Mạc Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) do ông Nguyễn Mạnh C nộp thay theo biên lai thu số AA/2021/0001726 ngày 21 tháng 10 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Mạc Thị H, anh Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Ông Mạc Văn M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Cổ T;
- Lưu hồ sơ;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền